TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2025/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 03 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 1384/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A đường số A, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần T1, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A đường số A, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 82, 84, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trần T1. *(Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trần T1 được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/3/2005).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về nuôi con chung: Các đương sự xác định có 02 con chung tên Trần Thị Thu N, sinh ngày 02/02/2006 (đã trưởng thành) và Trần Thị Kim N1, sinh ngày 16/3/2016. Bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền trực tiếp nuôi trẻ Kim N1. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về chia tài sản chung: Các đương sự xác định không có.

[3] Về nghĩa vụ dân sự chung: Các đương sự xác định không có.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Hồng T tự nguyện chịu, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0063055 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà Nguyễn Thị Hồng T được hoàn lại số tiền án phí chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- UBND xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thơ